

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

PHỤ LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-3
BÁO CÁO QUÁT XÉT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH QUẢ NIÊN ĐỘ	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI NHẢY TRẦN CỦA NIÊN ĐỘ	6-7
BẢNG CÁO XÉT QUẢ HOẠT ĐỘNG LÃNH ĐẠO QUẢ NIÊN ĐỘ	8-9
BẢNG CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỶ QUẢ NIÊN ĐỘ	10-11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUẢ NIÊN ĐỘ	12-24

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Huế, tháng 08 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Bình	Ủy viên
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Trí Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Thanh Bình	Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Thành	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Vinh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Phạm Thanh Bình

Giám đốc

Huế, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Số: 143 /2017/BCSX-AVI-TCI

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10/8/2017, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng tại ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0308-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		195.244.980.692	161.946.713.740
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		31.240.366.605	37.053.463.124
1. Tiền	111	5	31.240.366.605	37.053.463.124
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.173.579.876	112.423.171.399
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	146.175.081.029	110.448.317.451
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.916.932.556	43.165.816
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.325.503.601	2.678.050.518
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.243.937.310)	(746.362.386)
III. Hàng tồn kho	140	8	14.754.784.999	11.249.792.005
1. Hàng tồn kho	141		15.009.426.834	11.504.433.840
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(254.641.835)	(254.641.835)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.076.249.212	1.220.287.212
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		977.228.639	1.211.739.923
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		99.020.573	8.547.289
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.004.282.744	23.169.705.006
I. Tài sản cố định	220		2.004.282.744	2.251.266.776
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.948.749.589	2.184.566.955
- Nguyên giá	222		35.455.365.541	35.455.365.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.506.615.952)	(33.270.798.586)
2. Tài sản cố định vô hình	227		55.533.155	66.699.821
- Nguyên giá	228		244.000.000	244.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(188.466.845)	(177.300.179)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	20.918.438.230
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	20.918.438.230
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		197.249.263.436	185.116.418.746

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B01a - DN
 Đơn vị tính: VND

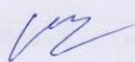
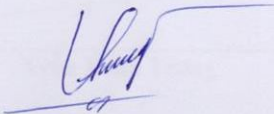
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		79.255.277.327	65.687.435.890
I. Nợ ngắn hạn	310		79.255.277.327	65.687.435.890
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	66.533.568.240	54.984.121.765
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.092.464	98.638.749
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	814.296.025	1.566.590.528
4. Phải trả người lao động	314		2.773.209.847	4.373.225.696
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		649.461.849	270.402.479
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		173.272.728	41.818.183
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	9	5.842.749.117	2.258.947.313
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	849.018.088
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	10	2.461.627.057	1.244.673.089
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.993.986.109	119.428.982.856
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	117.993.986.109	119.428.982.856
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.200.000.000	18.200.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.032.320.000	1.032.320.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.496.168.933	18.617.293.061
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.418.399.955	1.418.399.955
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.847.097.221	10.160.969.840
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.847.097.221	10.160.969.840
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		197.249.263.436	185.116.418.746

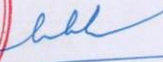
Huế, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Xuân Cát Tường

Trần Xuân Trung

Phạm Thanh Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B02a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	303.345.160.921	273.976.693.736
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	2.620.982.555	1.610.078.861
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		300.724.178.366	272.366.614.875
4. Giá vốn hàng bán	11	17	259.227.689.212	231.213.715.874
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.496.489.154	41.152.899.001
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	37.387.832	547.871.760
7. Chi phí tài chính	22		41.405.378	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.405.378	
8. Chi phí bán hàng	25	21	27.232.834.058	27.160.632.923
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	8.720.772.816	10.933.845.528
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.538.864.734	3.606.292.310
11. Thu nhập khác	31	19	14.668.993.495	577.835.403
12. Chi phí khác	32	20	14.117.486.702	12.579
13. Lợi nhuận khác	40		551.506.793	577.822.824
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.090.371.527	4.184.115.134
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.243.274.306	856.023.027
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.847.097.221	3.328.092.107
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	692	475
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		692	475

Huế, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Xuân Cát Tường

Trần Xuân Trung

Phạm Thanh Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B03a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.090.371.527	4.184.115.134
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	246.984.032	177.061.006
- Các khoản dự phòng	03	497.574.924	2.392.534.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(37.387.832)	(547.871.760)
- Chi phí lãi vay	06	41.405.378	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.838.948.029	6.205.838.380
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(21.234.854.242)	1.267.452.262
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.504.992.994)	8.778.937.755
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.466.399.624	18.273.917.314
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	(67.660.800)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(41.405.378)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.509.439.390)	(172.361.268)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	23.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(865.140.000)	(544.580.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.850.484.351)	33.764.543.643
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(156.377.786)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.387.832	547.871.760
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	37.387.832	391.493.974
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	12.303.312.160	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.303.312.160)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.757.064.720)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(2.757.064.720)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(5.813.096.519)	31.398.972.897
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	37.053.463.124	27.224.664.204
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	31.240.366.605	58.623.637.101

Huế, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Xuân Cát Tường

Trần Xuân Trung

Phạm Thanh Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101300 cấp lần đầu ngày 17/04/2006 và thay đổi lần 6 ngày 28/03/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 70.000.000.000 đồng tương ứng với 7.000.000 cổ phiếu được lưu hành, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Hiện tại cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TXM. Các cổ đông chính của Công ty như sau:

	Số lượng cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	3.584.525	35.845.250.000	51,21%
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	700.000	7.000.000.000	10%
Các cổ đông khác	2.715.475	27.154.750.000	38,79%
Cộng	7.000.000	70.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 24 đường Hà Nội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ và lâm sản khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, nghiền xi măng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Kinh doanh xi măng, nhập khẩu và kinh doanh thạch cao các loại;
- Bán buôn tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá; Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Khách sạn; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm 30/06/2017, tổ chức của Công ty bao gồm Văn phòng và các đơn vị trực thuộc:

- Văn phòng đại diện tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;
- Chi nhánh tại Quảng Bình;
- Chi nhánh tại Hải Phòng;
- Chi nhánh tại Bim Sơn;
- Chi nhánh tại Quảng Trị;
- Chi nhánh tại Đà Nẵng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 06

4.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.10. Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn ba điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- (b) Có thể xảy ra sự giảm sút về những lợi ích kinh tế dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- (c) Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu được ghi nhận tại thời điểm Công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định trong phương án phát hành và được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và chi phí liên quan đến việc mua lại và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.12. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

4.13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong kỳ hoạt động, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%. Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 26.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	361.934.430	477.773.653
Tiền gửi ngân hàng	30.878.432.175	36.575.689.471
Cộng	31.240.366.605	37.053.463.124

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	41.843.227.120	45.699.298.630
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	10.636.330.140	14.474.936.600
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	23.478.594.901	13.864.672.176
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	12.986.557.740	10.303.543.475
Công ty TNHH MTV Vicem Tam Điệp	10.635.491.978	8.246.106.854
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	10.617.836.100	4.468.786.740
Các khoản phải thu khách hàng khác	35.977.043.050	13.390.972.976
Cộng	146.175.081.029	110.448.317.451

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	41.843.227.120	45.699.298.630
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	10.636.330.140	14.474.936.600
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	23.478.594.901	13.864.672.176
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	12.986.557.740	10.303.543.475
Công ty TNHH MTV Vicem Tam Điệp	10.635.491.978	8.246.106.854
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	10.617.836.100	4.468.786.740
Công ty TNHH MTV Vicem Hoàng Thạch	5.241.921.966	2.342.547.692
Công ty TNHH MTV Vicem Hải Phòng	-	1.854.956.220
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	325.000.000	325.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	-	54.600.650

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	158.331.593	209.000.000
Ký cược, ký quỹ	987.894.380	1.871.000.000
Phải thu khác	179.277.628	598.050.518
Cộng	1.325.503.601	2.678.050.518

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	2.507.343.941	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	491.059.490	(254.641.835)	491.059.490	(254.641.835)
Hàng hoá	11.616.383.267	-	11.013.374.350	-
Hàng gửi bán	394.640.136	-	-	-
Cộng	15.009.426.834	(254.641.835)	11.504.433.840	(254.641.835)

9. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	29.048.290	37.534.682
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.243.984.702	43.984.702
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.569.716.125	2.177.427.929
Cộng	5.842.749.117	2.258.947.313

10. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ khen thưởng	1.270.175.961	1.004.318.977
Quỹ phúc lợi	1.191.451.096	240.354.112
Cộng	2.461.627.057	1.244.673.089

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	19.807.146.794	10.657.982.150	4.465.991.141	524.245.456	35.455.365.541
Tại ngày 30/06/2017	19.807.146.794	10.657.982.150	4.465.991.141	524.245.456	35.455.365.541
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	19.123.615.380	10.657.982.150	3.011.481.899	477.719.157	33.270.798.586
Khấu hao trong kỳ	110.041.002	-	115.815.757	9.960.607	235.817.366
Tại ngày 30/06/2017	19.233.656.382	10.657.982.150	3.127.297.656	487.679.764	33.506.615.952
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	683.531.414	-	1.454.509.242	46.526.299	2.184.566.955
Tại ngày 30/06/2017	573.490.412	-	1.338.693.485	36.565.692	1.948.749.589
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng	16.066.898.851	10.657.982.150	2.818.122.050	449.481.820	29.992.484.871

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	18.538.791.541	18.538.791.541	1.348.494.317	1.348.494.317
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	11.915.715.500	11.915.715.500	7.912.057.500	7.912.057.500
Công ty TNHH ĐT-XD-TM Dương Phú Hưng	11.871.203.948	11.871.203.948	19.224.616.448	19.224.616.448
Công ty TNHH Thương mại DHP	7.124.161.900	7.124.161.900	5.665.956.600	5.665.956.600
Phải trả cho các đối tượng khác	17.083.695.351	17.083.695.351	20.832.996.900	20.832.996.900
Cộng	66.533.568.240	66.533.568.240	54.984.121.765	54.984.121.765
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty TNHH ĐT-XD-TM Dương Phú Hưng	-	-	9.826.979.449	9.826.979.449
Tổng công ty Cơ khí xây dựng	-	-	3.441.541.256	3.441.541.256
Phải trả cho các đối tượng khác	-	-	4.115.110.328	4.115.110.328
Cộng	-	-	17.383.631.033	17.383.631.033

Phải trả người bán bên liên quan

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	18.538.791.541	18.538.791.541	1.348.494.317	1.348.494.317
Công ty tư vấn đầu tư phát triển xi măng	404.516.300	404.516.300	68.234.300	68.234.300

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	599.581.915	3.068.667.016	3.554.796.435	113.452.496
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	11.941.350.616	11.941.350.616	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	967.008.613	1.243.274.306	1.509.439.390	700.843.529
Thuế thu nhập cá nhân	(8.547.289)	26.960.128	117.433.412	(99.020.573)
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	762.576.905	762.576.905	-
Thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Cộng	1.558.043.239	17.050.828.971	17.893.596.758	715.275.452
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	8.547.289			99.020.573
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.566.590.528			814.296.025

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	70.000.000.000	18.200.000.000	1.032.320.000	1.418.399.955	18.214.806.428	3.642.486.633	112.508.013.016
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	10.160.969.840	10.160.969.840
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	402.486.633	(3.642.486.633)	(3.240.000.000)
Tại ngày 01/01/2017	70.000.000.000	18.200.000.000	1.032.320.000	1.418.399.955	18.617.293.061	10.160.969.840	119.428.982.856
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	4.847.097.221	4.847.097.221
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	3.878.875.872	(10.160.969.840)	(6.282.093.968)
Tại ngày 30/06/2017	70.000.000.000	18.200.000.000	1.032.320.000	1.418.399.955	22.496.168.933	4.847.097.221	117.993.986.109

Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1008/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2017 như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển	3.878.875.872 đồng
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.032.193.968 đồng
Trích quỹ thưởng người quản lý Công ty	49.900.000 đồng
Chia cổ tức	4.200.000.000 đồng
Cộng	10.160.969.840 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017	Tỷ lệ vốn góp
	VND	VND	
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	35.845.250.000	35.845.250.000	51,21%
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	7.000.000.000	7.000.000.000	10%
Các cổ đông khác	27.154.750.000	27.154.750.000	38,79%
Cộng	70.000.000.000	70.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	7.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	7.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.000.000	7.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	20.813,37	7.070,24

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	303.345.160.921	273.291.650.555
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	685.043.181
Cộng	303.345.160.921	273.976.693.736

Doanh thu với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	137.770.985.486	149.057.976.233
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	8.954.680.000	2.294.083.636
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	14.702.174.728	1.591.617.045
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	8.533.234.309	8.809.283.319
Công ty TNHH MTV Vicem Tam Điệp	5.941.571.980	5.378.655.544
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	22.409.716.019	-
Công ty TNHH MTV Vicem Hoàng Thạch	14.164.039.720	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	4.693.675.636
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	-	685.043.181

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	2.620.982.555	1.610.078.861
Cộng	2.620.982.555	1.610.078.861

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	259.227.689.212	230.027.895.833
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	1.185.820.041
Cộng	259.227.689.212	231.213.715.874

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.387.832	547.871.760
Cộng	37.387.832	547.871.760

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
a) Chi phí bán hàng	27.232.834.058	27.160.632.923
Chi phí lương nhân viên (*)	3.645.206.452	1.208.323.928
Chi phí vật liệu, bao bì	5.240.000	15.545.000
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	488.470.000
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	23.216.916.335	25.195.330.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.824.636	6.000.000
Chi phí khác bằng tiền	349.646.635	246.963.043
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.720.772.816	10.933.845.528
Chi phí lương nhân viên (*)	3.158.101.199	5.300.591.329
Chi phí vật liệu quản lý	303.027.911	215.751.793
Chi phí khấu hao tài sản cố định	246.984.032	152.610.100
Thuế, phí và lệ phí	1.282.829.416	880.907.774
Chi phí dự phòng	497.574.924	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	880.014.827	868.016.154
Chi phí khác bằng tiền	2.352.240.507	3.515.968.378
Cộng	35.953.606.874	38.094.478.451

(*) Từ năm 2017, Công ty thay đổi cơ cấu nhân sự giữa các bộ phận, theo đó công ty xây dựng lại phương pháp theo dõi chi phí tiền lương của bộ phận quản lý và bộ phận bán hàng nhằm phản ánh phù hợp cơ cấu nhân sự và cơ cấu chi phí của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	308.267.911	606.622.274
Chi phí nhân công	6.803.307.651	6.964.828.598
Chi phí sửa chữa, khấu hao tài sản cố định	246.984.032	665.531.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.420.539.584	32.385.319.603
Chi phí khác bằng tiền	4.482.291.482	4.838.631.958
Cộng	45.261.390.660	45.460.933.439

21. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Thu nhập từ chuyển nhượng Dự án trạm nghiền Quảng Trị (*)	14.116.077.861	-
Thu nhập từ chênh lệch tạp chất	-	785.727
Thu nhập từ cho thuê nhà, kho bãi	241.090.909	50.000.003
Các khoản thu nhập khác	311.824.725	527.049.673
Cộng	14.668.993.495	577.835.403

(*) Thu nhập khác từ chuyển nhượng dự án trạm nghiền Quảng Trị xác định theo giá trị quyết toán dự án và Biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng dự án trạm nghiền Quảng Trị 84/TLHD/2017/BCC-TXM ngày 17 tháng 4 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng và Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn.

22. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Giá trị chuyển nhượng Dự án trạm nghiền Quảng Trị (*)	14.116.077.861	-
Chi phí khác	1.408.841	12.579
Cộng	14.117.486.702	12.579

(*) Chi phí khác từ chuyển nhượng dự án trạm nghiền Quảng Trị là chi phí dự án còn lại ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm 2017 theo giá trị quyết toán dự án và Biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng dự án trạm nghiền Quảng Trị 84/TLHD/2017/BCC-TXM ngày 17 tháng 4 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng và Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn (thuyết minh số 21).

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	6.090.371.527	4.184.115.134
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	126.000.000	96.000.000
Thu nhập chịu thuế	6.216.371.527	4.280.115.134
Thuế suất	20%	20%
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.243.274.306	856.023.027
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.243.274.306	856.023.027

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.847.097.221	3.328.092.107
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.847.097.221	3.328.092.107
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.000.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	692	475

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.240.366.605	37.053.463.124
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.098.315.727	112.171.005.583
Cộng	177.338.682.332	149.224.468.707
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	72.347.269.067	57.205.534.396
Chi phí phải trả	649.461.849	270.402.479
Cộng	72.996.730.916	57.475.936.875

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 về việc hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán Quốc tế cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	473.266.006	160.565.150	2.335.245.845	2.291.115.585

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/06/2017				
Phải trả người bán và phải trả khác	72.347.269.067	-	-	72.347.269.067
Chi phí phải trả	649.461.849	-	-	649.461.849
Tại 01/01/2017				
Phải trả người bán và phải trả khác	57.205.534.396	-	-	57.205.534.396
Chi phí phải trả	270.402.479	-	-	270.402.479

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.240.366.605	-	-	31.240.366.605
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.098.315.727	-	-	146.098.315.727
Tại 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.053.463.124	-	-	37.053.463.124
Phải thu khách hàng và phải thu khác	112.171.005.583	-	-	112.171.005.583

26. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam; Cổ đông chiếm 10% Vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty TNHH MTV Vicem Tam Điệp	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam		
Phí tư vấn	560.197.306	498.506.374
Cổ tức	-	1.433.810.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1		
Cổ tức	-	280.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn		
Mua hàng	79.386.016.845	89.083.266.988
Thu nhập khác	14.116.077.861	492.523.919
- Thu nhập từ cước bốc xếp xi măng, vỏ bao	-	492.523.919
- Thu nhập khác từ chuyển nhượng dự án trạm nghiền xi măng Quảng Trị	14.116.077.861	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân		
Mua hàng	507.699.385	-
Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt		
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc)	986.991.695	964.502.689
Phải trả khác		
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	616.217.037	666.460.232
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	-	1.228.866.725

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 đã được soát xét.

Huế, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Người lập

Nguyễn Xuân Cát Tường

Kế toán trưởng

Trần Xuân Trung

Giám đốc



Phạm Thanh Bình